ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

**TRƯỜNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

A picture containing text, sign

Description automatically generated

**BÁO CÁO**

**Phát triển phần mềm theo chuẩn kỹ năng ITSS**

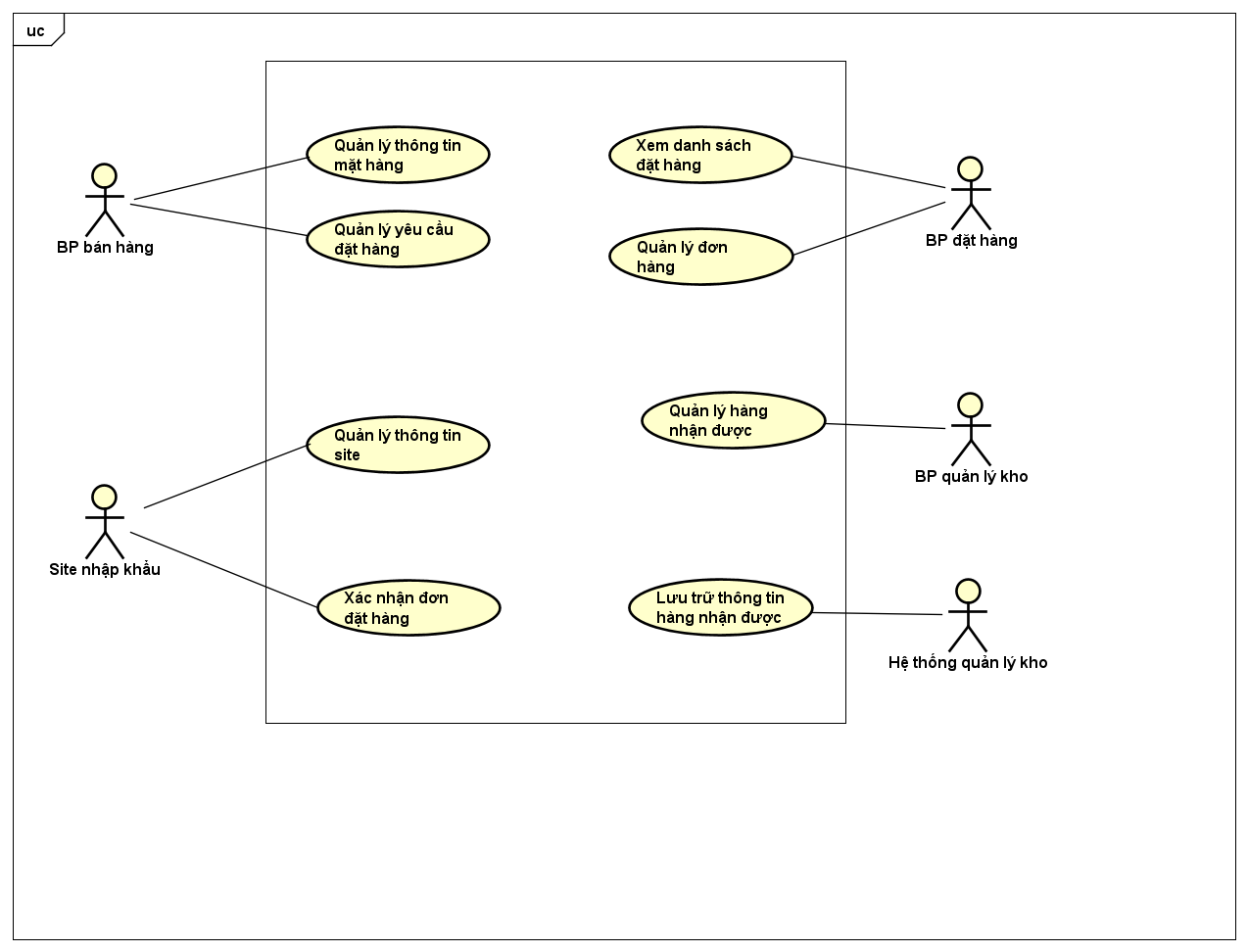
**Bài tập về nhà tuần 3**

|  |  |
| --- | --- |
| Nhóm: | **02** |
|  |  |
| Giảng viên hướng dẫn: | **TS. Trịnh Tuấn Đạt** |

***Hà Nội, 3/2024***

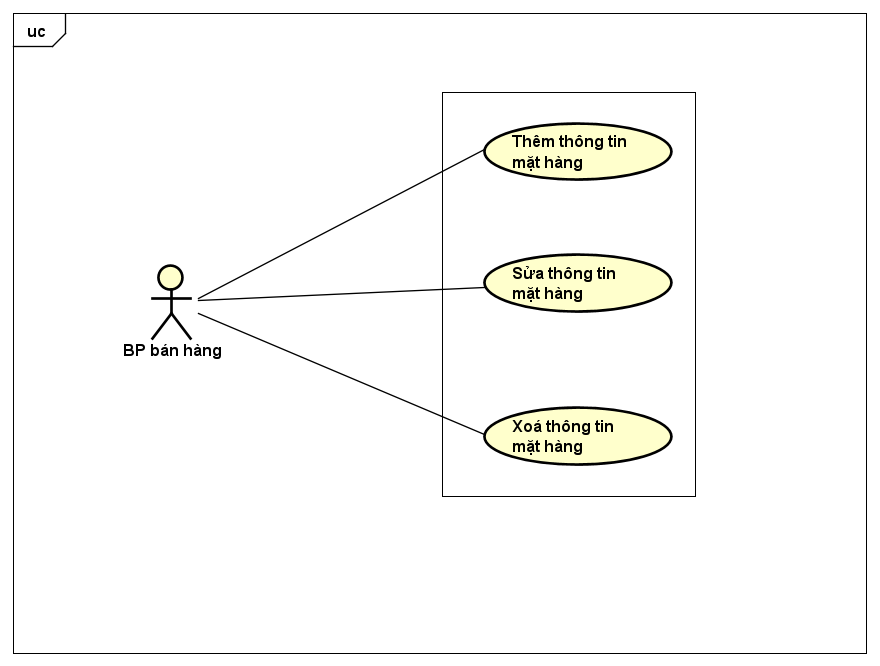
1. **Biểu đồ usecase**

**1.1 Biểu đồ use case tổng quan**

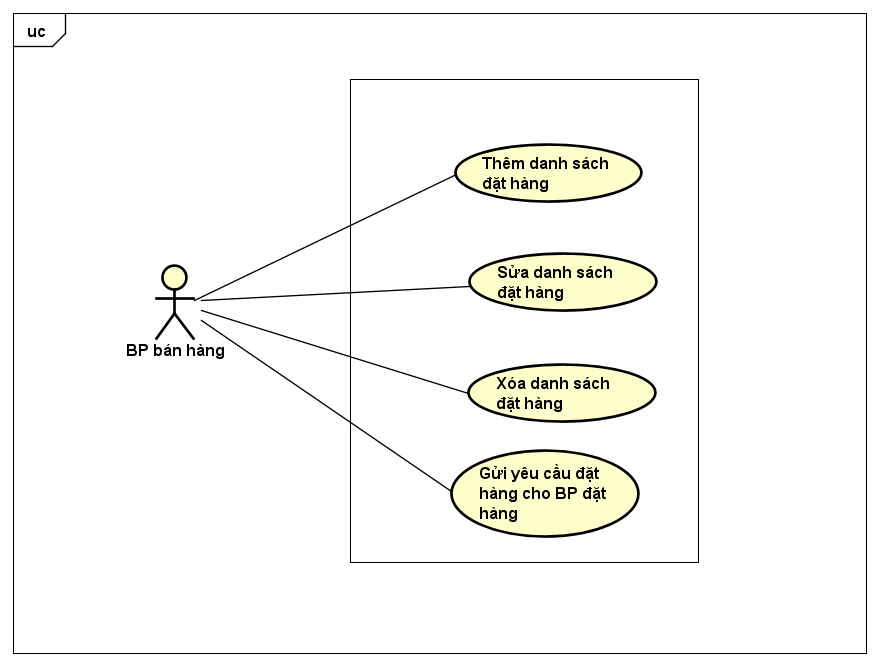
****

**1.2 Biểu đồ use case phân rã**

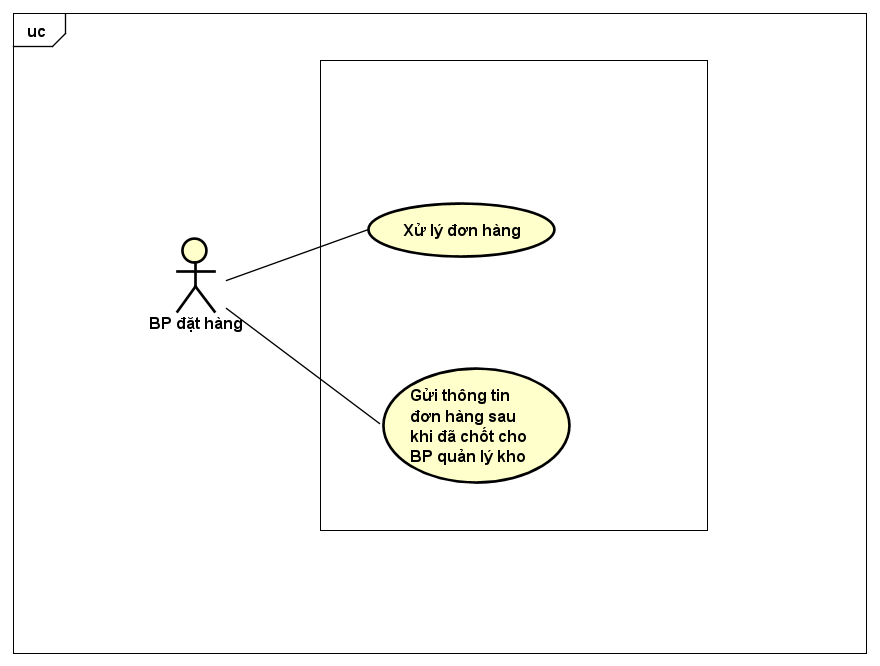
1.2.1 Phân rã use case “Quản lý thông tin mặt hàng”



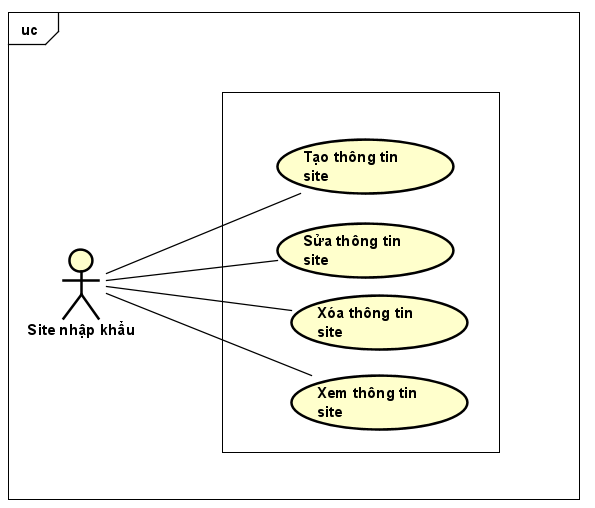
1.2.2 Phân rã use case “Quản lý yêu cầu đặt hàng”



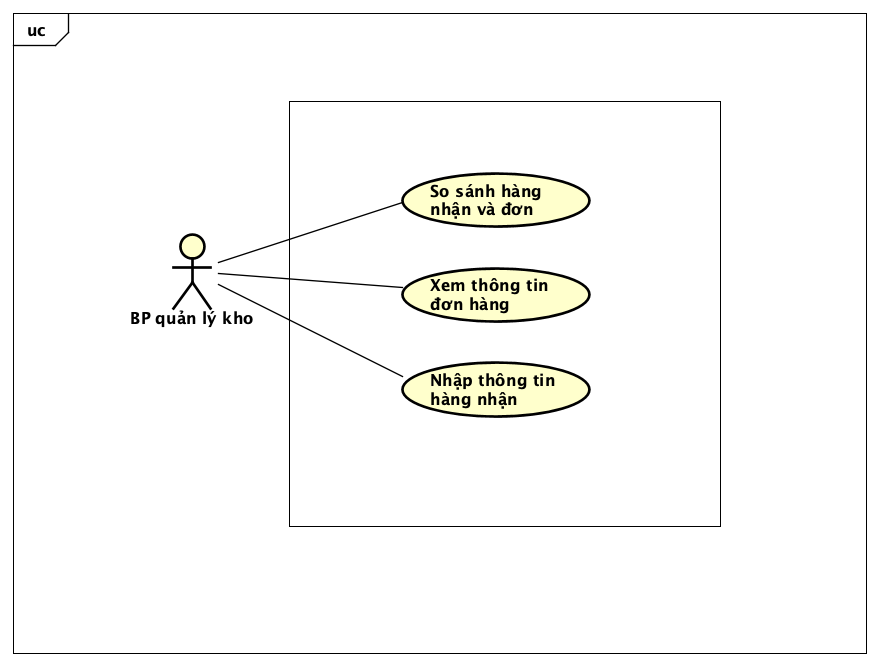
1.2.3 Phân rã use case “Quản lý đơn hàng”

****

1.2.4 Phân rã use case “Quản lý thông tin site”



1.2.5 Phân rã use case “Quản lý hàng nhận được”



**1.3 Phân chia công việc**

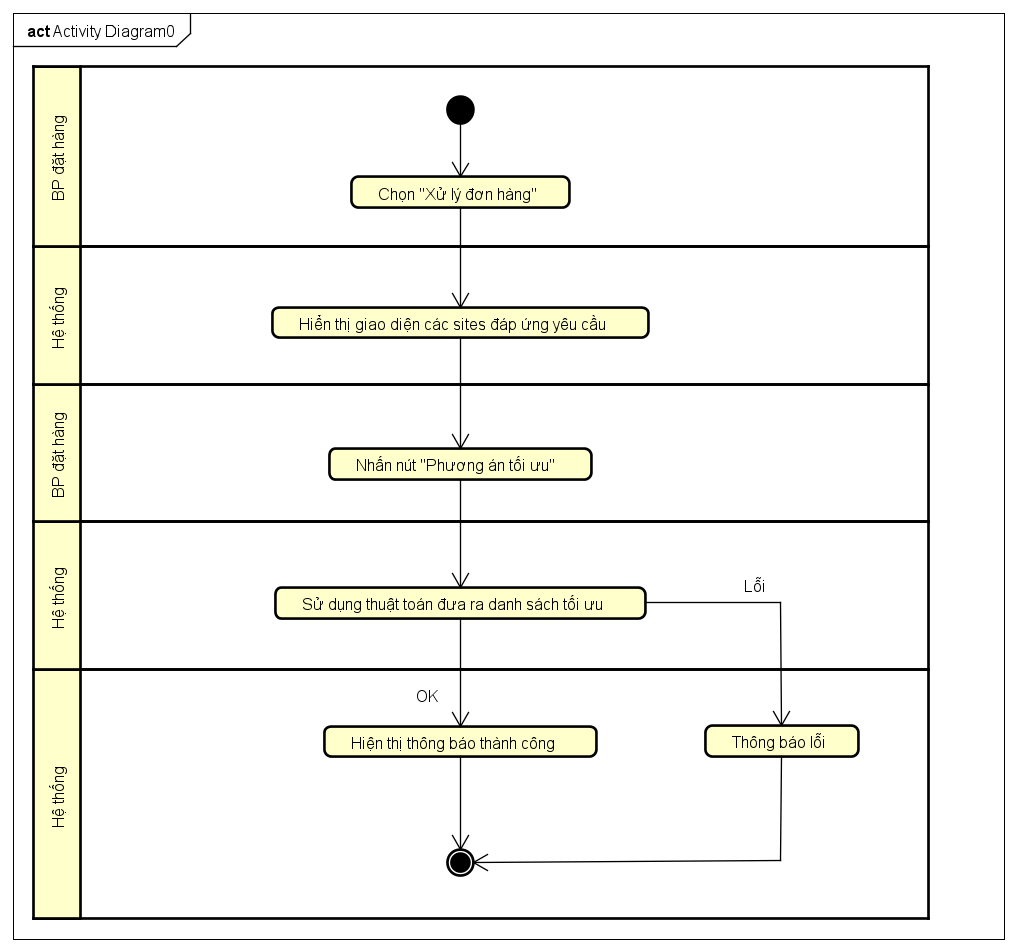
|  |  |
| --- | --- |
| **Họ và tên** | **Use case sẽ thực hiện** |
| Lưu Việt Hoàn | Xử lý đơn hàng |
| Hà Đình Nam | Gửi yêu cầu đặt hàng cho BP đặt hàng |
| Phạm Hoàng Hải Nam | Thêm thông tin mặt hàng |
| Vũ Minh Quân | Thêm danh sách đặt hàng |
| Ngô Văn Thức | Tạo thông tin site |

1. **Đặc tả use case**

**2.1.1 Đặc tả use case UC001 “Xử lý đơn hàng”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC001 | **Tên Use case** | Xử lý đơn hàng |
| **Tác nhân** | BP đặt hàng | | |
| **Tiền điều kiện** | BP bán hàng gửi yêu cầu đặt hàng | | |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Thành công)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | BP đặt hàng | chọn chức năng “Xử lý đơn hàng” | | 2. | Hệ thống | hiển thị giao diện các sites đáp ứng được yêu cầu | | 3. | BP đặt hàng | Nhất nút “Phương án tối ưu” | | 4. | Hệ thống | Sử dụng thuật toán để sắp xếp ra danh sách các site thỏa mãn tối ưu nhất | | 5. | Hệ thống | Hiển thị thông báo đã sắp xếp thành công | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 4a. | Hệ thống | thông báo lỗi: Không đủ số lượng theo yêu cầu | | | |
| **Hậu điều kiện** | Không | | |

## **2.1.2 Biểu đồ hoạt động**



**2.2.1 Đặc tả use case UC002 “Thêm thông tin mặt hàng”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC002 | **Tên Use case** | Thêm thông tin mặt hàng |
| **Tác nhân** | BP bán hàng | | |
| **Tiền điều kiện** | Không | | |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Thành công)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1 | BP bán hàng | chọn chức năng thêm thông tin mặt hàng | | 2 | Hệ thống | hiển thị giao diện thêm thông tin | | 3 | BP bán hàng | nhập tên loại hàng muốn thêm | | 4 | BP bán hàng | nhập số lượng hàng | | 5 | BP bán hàng | nhập giá trị của mặt hàng | | 6 | Hệ thống | kiểm tra xem BP bán hàng đã nhập các trường bắt buộc nhập hay chưa | | 7 | Hệ thống | quay lại bước 2 nếu người dùng muốn thêm thông tin mặt hàng | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 6a. | Hệ thống | thông báo lỗi: Cần nhập các trường bắt buộc nhập nếu khách nhập thiếu | | 7a. | Hệ thống | nếu người dùng không muốn thêm thông tin mặt hàng quay về màn hình ban đầu | | | |
| **Hậu điều kiện** | Không | | |

(\*) Mô tả dữ liệu đầu vào:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
| 1 | Tên hàng |  | Có | Chuỗi | Tủ lạnh |
| 2 | Số lượng |  | Có | Số nguyên | 9 |
| 3 | Giá |  | Có | Số thực | 10000000 |

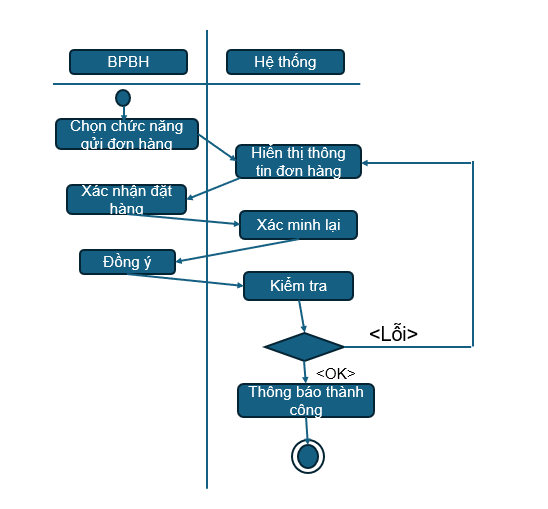
## **2.2.2 Biểu đồ hoạt động**

## 

**2.3.1 Đặc tả use case UC003 “Gửi yêu cầu đặt hàng cho bộ phận đặt hàng”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC003 | **Tên Use case** | Yêu cầu đặt hàng |
| **Tác nhân** | BP bán hàng | | |
| **Tiền điều kiện** | Không | | |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Thành công)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1 | BPBH | Chọn chức năng gửi đơn hàng trong giỏ hàng. | | 2 | Hệ thống | Hiển thị thông tin đơn hàng | | 3 | BPBH | Chọn xác nhận gửi đơn hàng. | | 4 | Hệ thống | Gửi thông báo có chắc chắn không | | 5 | BPBH | Xác nhận 1 lần nữa | | 6 | Hệ thống | Thông báo đã gửi thành công | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 6a. | Hệ thống | Báo lỗi “Không thể xử lí” nếu hệ thống bị lỗi. | | | |
| **Hậu điều kiện** | Không | | |

**2.3.2 Biểu đồ hoạt động**

****

**2.4.1 Đặc tả use case UC004 “Thêm danh sách đặt hàng”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC004 | **Tên Use case** | Thêm danh sách đặt hàng |
| **Tác nhân** | BP bán hàng | | |
| **Tiền điều kiện** | Không | | |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Thành công)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1. | BP bán hàng | Chọn chức năng “Thêm danh sách đặt hàng” | | 2. | Hệ thống | Hiển thị giao diện | | 3. | BP bán hàng | Nhập mã hàng, số lượng, đơn vị, ngày tháng năm nhận hàng mong muốn của từng mặt hàng | | 4. | BP bán hàng | Yêu cầu thêm danh sách | | 5. | Hệ thống | Kiểm tra các trường bắt buộc đã nhập hay chưa | | 6. | Hệ thống | Kiểm tra các thông tin của từng mặt hàng có hợp lệ hay không | | 7. | Hệ thống | In thông báo “Đơn hàng đã được đặt thành công” | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 5a. | Hệ thống | Thông báo lỗi: Cần nhập các trường bắt buộc nếu BP bán hàng nhập thiếu | | 6a. | Hệ thống | Thông báo lỗi: Mã hàng không tồn tại nếu không tìm thấy mã hàng | | 6b. | Hệ thống | Thông báo lỗi: Số lượng không hợp lệ nếu số lượng chưa đúng | | 6c. | Hệ thống | Thông báo lỗi: Đơn vị không hợp lệ nếu đơn vị chưa đúng | | 6d. | Hệ thống | Thông báo lỗi: Ngày nhận hàng không hợp lệ nếu ngày nhập vào chưa đúng | | | |
| **Hậu điều kiện** | Không | | |

(\*) Mô tả dữ liệu đầu vào:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
| 1. | Mã hàng |  | Có |  |  |
| 2. | Số lượng |  | Có |  | 07 |
| 3. | Đơn vị |  | Có |  | cái |
| 4. | Ngày nhận hàng mong muốn |  | Có |  | 14/03/2024 |

## **2.4.2 Biểu đồ hoạt động**

## 

**2.5 Đặc tả use case UC005 “Tạo thông tin site”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC005 | **Tên Use case** | Tạo thông tin site |
| **Tác nhân** | Site nhập khẩu | | |
| **Tiền điều kiện** | Không | | |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Thành công)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1 | Site nhập khẩu | chọn chức năng tạo site | | 2 | Hệ thống | hiển thị giao diện tạo site | | 3 | Site nhập khẩu | nhập tên site | | 4 | Site nhập khẩu | nhập số ngày vận chuyển hàng hóa bằng tàu | | 5 | Site nhập khẩu | nhập số ngày vận chuyển hàng hóa bằng máy bay | | 6 | Site nhập khẩu | nhập thông tin khác | | 7 | Site nhập khẩu | xác nhận thêm thông tin site | | 8 | Hệ thống | kiểm tra xem khách đã nhập các trường bắt buộc nhập hay chưa | | 9 | Hệ thống | kiểm tra xem khách đã nhập đúng kiểu dữ liệu của các trường hay chưa | | 10 | Hệ thống | thông báo thêm site thành công | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 8a. | Hệ thống | thông báo lỗi: Cần nhập các trường bắt buộc nhập nếu khách nhập thiếu | | 9a. | Hệ thống | thông báo lỗi: Có trường sai kiểu dữ liệu và yêu cầu nhập lại | | | |
| **Hậu điều kiện** | Không | | |

(\*) Mô tả dữ liệu đầu vào:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
| 1 | Tên site |  | Có |  | ABC123 |
| 2 | số ngày vận chuyển hàng hóa bằng tàu |  | Có | > 0 | 20 |
| 3 | số ngày vận chuyển hàng hóa bằng máy bay |  | Có | > 0 | 10 |
| 4 | Thông tin khác |  | Không |  |  |

## **2.5.2 Biểu đồ hoạt động**

## 